

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể
Dự án cạnh tranh nông nghiệp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 756/QĐ-BNN-KH ngày 19/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể Dự án cạnh tranh nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3425/QĐ-BNN-KH ngày 04/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể Dự án cạnh tranh nông nghiệp;

Tiếp theo Quyết định số 1107/QĐ-UB ngày 18/5/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết năm 2009 Dự án cạnh tranh nông nghiệp và Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 07/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể Dự án cạnh tranh nông nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 199/TTr-SNN ngày 22/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tổng thể Dự án cạnh tranh nông nghiệp, cụ thể như sau:

1. Tổng vốn: 7,296 triệu USD (tương đương 153.211 triệu đồng), trong đó:

a) Vốn nước ngoài: 5,652 triệu USD (tương đương 118.678 triệu đồng) bao gồm vốn IDA: 5,599 triệu USD và vốn CIDA: 0,053 triệu USD;

b) Vốn đối ứng ngân sách tỉnh: 0,398 triệu USD (tương đương 8.367 triệu đồng);

c) Vốn góp của người hưởng lợi: 1,246 triệu USD (tương đương 26.166 triệu đồng).

2. Chi tiết theo hợp phần:

a) Hợp phần A- Tăng cường công nghệ nông nghiệp: 1,175 triệu USD (tương đương 24.676 triệu đồng).

b) Hợp phần B- Hỗ trợ Liên minh sản xuất: 2,189 triệu USD (tương đương 45.961 triệu đồng).

c) Hợp phần C- Cơ sở hạ tầng thiết yếu: 3,525 triệu USD (tương đương 74.027 triệu đồng).

d) Hợp phần D- Quản lý dự án: 0,407 triệu USD (tương đương 8.547 triệu đồng).

Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 1107/QĐ-UB ngày 18/5/2009 và Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 07/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng.

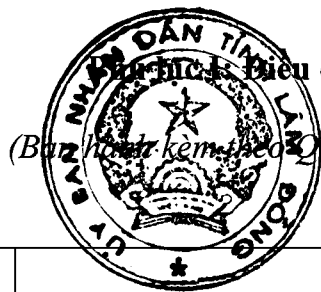
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Lao động Thương binh và xã hội, Giao thông Vận tải; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban quản lý Dự án cạnh tranh nông nghiệp tỉnh và thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./. *ys*

Nơi nhận :

- BQL các DANN-Bộ NN&PTNT;
- CT, các PCT;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, NN;

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**





**Điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án cạnh tranh nông nghiệp
theo hợp phần**
(Baz/hoat/kem/theo/Quyết định số 1939/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000 USD

Stt	Hợp phần	Kế hoạch điều chỉnh				
		Tổng số	IDA	CIDA	Việt Nam	Tư nhân
1	Hợp phần A: Tăng cường công nghệ nông nghiệp	1.175	1.163	12		
	A.1 Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành nông nghiệp	715	715			
	A.2 Phát triển các phương thức canh tác bền vững	245	245			
	A.3 Giám sát và quản lý dư lượng hóa chất	201	201			
	A. Hỗ trợ kỹ thuật - chuyên gia tư vấn HP A	14	2	12		
2	Hợp phần B: Hỗ trợ liên minh Sản xuất	2.189	935	8		1.246
	B.1 Hỗ trợ thành lập các liên minh sản xuất mới	2.117	871			1.246
	B.2 Nhân rộng các mô hình chuỗi giá trị thành công					
	B.3 Chiến dịch thông tin, tuyên truyền, xây dựng mạng lưới và liên kết đối tác	30	30			
	B.4 Cải thiện môi trường đầu tư ngành nông nghiệp và cung cấp dịch vụ	24	24			
	B. Hỗ trợ kỹ thuật - chuyên gia tư vấn HP B	18	10	8		
3	Hợp phần C: Cơ sở hạ tầng thiết yếu	3.525	3.184	22	320	
	C.1 Cơ sở hạ tầng ưu tiên của địa phương	2.871	2.599	13	258	
	C.2 Cơ sở hạ tầng phục vụ cho liên minh S.xuất	645	583		62	
	C. Hỗ trợ kỹ thuật - chuyên gia tư vấn HP C	9	1	8		
4	Hợp phần D: Quản lý dự án và tăng cường thể chế	407	317	11	79	
	D.1 Quản lý dự án	375	296		79	
	D.2 Giám sát và đánh giá	32	21	11		
	Tổng số	7.296	5.599	53	398	1.246